

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, chi hoạt động đánh giá năng lực Tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt cho Lưu học sinh Trường Cao đẳng Sơn La
Đợt thi ngày 12,13,14 tháng 08 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư quy định tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt;

Căn cứ Công văn số 1813/QLCL-QLT ngày 23/12/2022 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Công văn số 1766/ĐHSP-HTQT ngày 09/11/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên về việc cho phép sử dụng bộ ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 472/QĐ-CĐSL ngày 21/5/2025 trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế thu năm 2025; Quyết định số 1000/QĐ-CĐSL ngày 16/10/2025 của trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (sửa đổi, bổ sung) năm 2025;

Căn cứ Công văn số 754/CĐSL-KTCL ngày 07/08/2026 trường Cao đẳng Sơn La về việc thống nhất mức kinh phí hỗ trợ làm đề thi đánh giá năng lực tiếng Việt ngày 12, 13, 14/8/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, chi hoạt động đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt cho Lưu học sinh trường Cao đẳng Sơn La, đợt thi ngày 12,13,14/08/2026. Cụ thể như sau:

- Mức thu: Đối với lưu học sinh tham gia thi, đánh giá và cấp chứng chỉ tiếng Việt tại trường Cao đẳng Sơn La là 1.500.000 đồng/lưu học sinh.

- Mức chi cho tổ chức thi, đánh giá và cấp chứng chỉ Tiếng Việt tại trường Cao đẳng Sơn La theo Phụ lục số 01 (có Phụ lục 01 kèm theo).

Điều 2. Mức thu, chi này được áp dụng cho hoạt động đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt cho Lưu học sinh tại trường Cao đẳng Sơn La, đợt thi ngày 12,13,14/08/2026.

Điều 3. Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng khoa Bồi dưỡng, các Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận :

- Ban Giám hiệu (B/c);
- Như Điều 3 (Đề t/h);
- Lưu: VT, KTCL, KHTC (3).



HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Đức Long

**ĐIỀU HÀNH THU - CHI HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT**
(theo Quyết định số 649/QĐ-CDSL ngày 10 tháng 08 năm 2026)

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Số ngày	Định mức (đồng)	Thành tiền (Đồng)
1	Kinh phí NSNN hỗ trợ đối với LHS, LHV Lào thuộc diện đào tạo hệ ngân sách	đồng/thí sinh/đợt thi	220		1.500.000	330.000.000
2	Mức thu với LHS, LHV Lào là thí sinh tự do	đồng/thí sinh/đợt thi	19		1.500.000	28.500.000
3	Kinh phí NSNN hỗ trợ đối với LHV K16 theo Đề án số 13-ĐA/TU ngày 31/5/2024	đồng/thí sinh/đợt thi	12			
II	CHI PHÍ TỔ CHỨC KỲ THI					
1	Công tác đề thi, in sao đề					75.079.400
+	Hợp đồng sử dụng ngân hàng câu hỏi thi	Hợp đồng	1		50.000.000	50.000.000
+	In sao đề thi	Người/đề	251		20.000	5.020.000
+	Xăng xe phục vụ vận chuyển đề thi (lượt trả về)	Lít	170		28.410	4.829.700
+	Xăng xe vận chuyển đề thi (1 lượt nhận đề)	Lít	170		28.410	4.829.700
+	CTP cán bộ đi nhận đề thi (1 lượt nhận đề)	Người/ngày	4	3		5.200.000
+	CTP cán bộ đi nhận đề thi (1 lượt trả đề)	Người/ngày	4	3		5.200.000
2	Hội đồng thi					12.500.000
+	Chủ tịch hội đồng	Người/ngày	1	9	500.000	4.500.000
+	Phó chủ tịch hội đồng	Người/ngày	1	1	450.000	450.000
+	Phó chủ tịch hội đồng	Người/ngày	1	9	450.000	4.050.000
+	Ủy viên	Người/ngày	1	1	350.000	350.000
+	Ủy viên	Người/ngày	1	9	350.000	3.150.000
3	Ban Thư ký					11.700.000

+	Trưởng ban Thư ký	Người/ngày	1	9	500.000	4.500.000
+	Ủy viên	Người/ngày	2	9	400.000	7.200.000
4	Ban coi thi					16.400.000
+	Trưởng ban	Người/ngày	1	3	500.000	1.500.000
+	Phó trưởng ban	Người/ngày	1	3	400.000	1.200.000
+	Cán bộ giám thị tại phòng thi Nghe - Đọc - Viết	Người/ngày	18	1	350.000	6.300.000
+	Cán bộ giám sát tại phòng thi Nghe - Đọc - Viết	Người/ngày	4	1	350.000	1.400.000
+	Giám thị, giám sát tại phòng chờ buổi thi Nói	Người/ngày	6	2	350.000	4.200.000
+	Phục vụ (phục vụ, trực điện nước, kỹ thuật)	Người/ngày	4	3	100.000	1.200.000
+	Phục vụ (y tế, bảo vệ)	Người/ngày	2	2	150.000	600.000
5	Ban chấm thi					38.000.000
+	Trưởng ban	Người/ngày	1	5	700.000	3.500.000
+	Phó trưởng ban	Người/ngày	1	5	600.000	3.000.000
+	Trưởng ban (Phúc khảo)	Người/ngày	1	1	700.000	700.000
+	Phó trưởng ban (Phúc khảo)	Người/ngày	1	1	600.000	600.000
+	Cán bộ chấm thi phúc khảo	Người/ngày	2	1	350.000	700.000
+	Phục vụ (kỹ thuật)	Người/ngày	1	5	100.000	500.000
	Phục vụ (y tế, bảo vệ)	Người/ngày	2	5	150.000	1.500.000
+	Cán bộ chấm thi kỹ năng Nghe-Đọc-Viết	Người/ngày	6	5	500.000	15.000.000
+	Cán bộ giám sát chấm thi kỹ năng Nghe-Đọc-Viết	Người/ngày	1	5	500.000	2.500.000
+	Giám sát chấm thi Nói	Người/ngày	2	2	500.000	2.000.000
+	Cán bộ chấm thi kỹ năng Nói	Người/ngày	8	2	500.000	8.000.000
6	Công tác in ấn, cấp phát chứng chỉ					1.004.000
+	Phôi chứng chỉ	đồng/CC	251		4.000	1.004.000
7	Các khoản chi vật tư phục vụ kỳ thi					42.250.000
+	Ổ cứng lưu hình ảnh, âm thanh	Cái	1		4.200.000	4.200.000

+	VPP phục vụ thi (giấy thi, bút, giấy nháp, túi đựng bài thi, mực in,...)	Thí sinh	251		50.000	12.550.000
+	Nước uống (Trà, nước lọc, café, bánh kẹo,...) phục vụ hội đồng thi (ngày 12/8): 45 người x 2 buổi/ngày)	Người/buổi	45	2	50.000	4.500.000
+	Nước uống (Trà, nước lọc, café, bánh kẹo,...) phục vụ hội đồng thi (ngày 13/8): 45 người x 2 buổi/ngày)	Người/buổi	45	2	50.000	4.500.000
+	Nước uống (Trà, nước lọc, café, bánh kẹo,...) phục vụ hội đồng thi (ngày 14/8): 45 người x 2 buổi/ngày)	Người/buổi	45	2	50.000	4.500.000
+	Nước uống (Trà, nước lọc, café, bánh kẹo,...) phục vụ hội đồng thi (ngày 15/8): 10 người x 2 buổi/ngày)	Người/buổi	10	2	50.000	1.000.000
+	Nước uống (Trà, nước lọc, café, bánh kẹo,...) phục vụ hội đồng chấm thi (ngày 16/8): 22 người x 2 buổi/ngày)	Người/buổi	22	2	50.000	2.200.000
+	Nước uống (Trà, nước lọc, café, bánh kẹo,...) phục vụ hội đồng chấm thi (ngày 17/8): 22 người x 2 buổi/ngày)	Người/buổi	22	2	50.000	2.200.000
+	Nước uống (Trà, nước lọc, café, bánh kẹo,...) phục vụ hội đồng chấm thi (ngày 18/8): 22 người x 2	Người/buổi	22	2	50.000	2.200.000

	buổi/ngày					
+	Nước uống (Trà, nước lọc, café, bánh kẹo,...) phục vụ hội đồng chấm thi (ngày 19/8): 22 người x 2 buổi/ngày	Người/buổi	22	2	50.000	2.200.000
+	Nước uống (Trà, nước lọc, café, bánh kẹo,...) phục vụ hội đồng chấm thi (ngày 20/8): 22 người x 2 buổi/ngày	Người/buổi	22	2	50.000	2.200.000
8	Các khoản chi cơ sở vật chất phục vụ kỳ thi					143.071.600
	Chi phí cơ sở vật chất (trang thiết bị, điện nước,...)					143.071.600
9	Các khoản trích nộp					570.000
+	Trích nộp thuế theo quy định	%	2		28.500.000	570.000
10	Công tác quản lý chung					17.925.000
+	Chi quản lý chung	%	5		358.500.000	17.925.000
	II = 1++10					358.500.000